

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35A/2021/HNGĐ- PT.

Ngày: 26/3/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều T .

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Lê N

Bà Trần Thị Thanh T

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh H - Thẩm tra viên TAND TP H .

Đại diện VKSND thành phố H : Bà Trịnh Thu T - KSV

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H , xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số 02/2021/TLPT - HNGĐ ngày 5 tháng 1 năm 2021 về tranh chấp: Ly hôn .

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 63/2020/ HNGĐ - ST, ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2021/QĐPT - HNGĐ ngày 3 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Anh Tô Quang C , sinh năm 1980.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 8 ngõ 8 Trung P , quận Đ , Thành phố H .

Nơi cư trú: Số 72/138 phố chợ Khâm T , phường Trung P , Đ , Thành phố H (có mặt).

Bị đơn: Chị Bàng Thùy A , sinh năm 1982.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 8 ngõ 8 Trung P , quận Đ , Thành phố H .

Nơi cư trú: Số 72/138 phố chợ Khâm T , phường Trung P , Đ , Thành phố H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Tô Quang C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và Chị T A kết hôn trên cơ sở từ nguyện, có đăng

ký kết hôn tại UBND phường Trung P vào ngày 03/9/2008.

Sau khi kết hôn, Chị T A , anh C sống tại số 72/138 phố Chợ Khâm T , phường Trung P , quận Đ , H .

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 7 năm 2017, mâu thuẫn phát sinh từ ngày 25/07/2020. Nguyên nhân do ngày 27/07/2017 trong lúc cả nhà anh C đang ăn cơm thì trong điện thoại của Chị T A có cuộc gọi đến và có hiện lên trong danh bạ được lưu danh là Chồng. Anh C kiểm tra thì đó không phải là số điện thoại của anh C và Chị T A cướp lại điện thoại và xóa tên, số điện thoại đó đi. Sau 2 ngày anh C và Chị T A có cãi nhau và anh C có nói chuyện với gia đình bên Chị T A nhưng không nhận được phản hồi hay giải thích. Sau đó, Chị T A đưa hai con là cháu Tô Thanh Vân và cháu Tô Kim Anh về bên ngoại sống ly thân từ ngày 27/07/2017. Đến đầu tháng 02/2018 Chị T A mới trở lại nhà anh C sống chung. Trong suốt khoảng thời gian từ đầu tháng 2 tới nay, tình cảm giữa anh C và Chị T A không tiến triển tốt lên. Trong khoảng thời gian từ 27/7/2017 tới nay, Chị T A cũng không về thăm gia đình anh C và cắt liên lạc từ đó. Cũng trong khoảng thời gian từ 27/07/2017 tới nay, anh C và Chị T A không có sinh hoạt vợ chồng. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn Chị T A .

Về nuôi con chung: Anh C khai vợ chồng có 02 con chung là Tô Kim A (nữ), sinh ngày 19/10/2009, cháu Tô Thanh V (nữ) sinh ngày 06/02/2012. Ly hôn, anh C có nguyện vọng nuôi cả hai cháu, trong trường hợp không được thì anh C xin được nuôi 1 cháu là cháu Tô Thanh V.

Về chia tài sản chung (động sản, bất động sản): anh C xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Anh C không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh C đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài các yêu cầu trên, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Quá trình tòa án tiến hành giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho Chị T A , nhưng Chị T A không đến tòa do vậy các thủ tục cho Chị T A tự khai, đối chất, kiểm tra công khai đánh giá chứng cứ và hòa giải không thực hiện được, vì vậy tòa án căn cứ vào Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ngày 30/9/2020 chị Bàng Thúy A có đơn đề nghị gửi tòa án với nội dung: Trong thời gian chung sống gần đây chị có phát hiện anh C có quan hệ bất chính với 01 cô gái người Hàn Quốc nên hai vợ chồng có to tiếng. Anh C gửi đơn đến

Tòa xin ly hôn chị thời gian nào chị không biết khi nhận được giấy triệu tập của Tòa án chị mới được biết, sau khi gửi đơn anh C hối hận và xin lỗi chị, hứa chấm dứt mọi quan hệ với cô gái người Hàn Quốc, Chị T A khẳng định vợ chồng vẫn còn tình cảm yêu thương nhau nên chị đồng ý tha thứ cho anh C , vợ chồng vẫn sinh hoạt chung, ăn chung, ngủ chung, quan hệ ân ái vợ chồng bình thường. Vì vậy chị đề nghị Tòa án gửi đơn ly hôn của anh C về nơi chị và anh C đang sống để chính quyền địa phương làm công tác hòa giải cho anh chị đoàn tụ. Vì vậy Chị T A không đồng ý ly hôn.

Chị T A xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Tô Kim A, sinh năm 2009 và Tô Thanh V, sinh năm 2012, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, vì lý do các con còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Cháu lớn năm nay vừa vào lớp sáu, tâm sinh lý con gái bắt đầu có dấu hiệu thay đổi, cháu thứ hai có cá tính nên cần phải dạy theo cách nhẹ nhàng của người mẹ không như người bố thường hay quát mắng con, làm con sợ không giám gần bố. Còn việc anh C có cấp dưỡng nuôi con hay không là tùy ý thức của anh C . Về tài chính nuôi con chị có thu nhập từ Công ty TNHH-TMXS P.

Về tài sản: Chị T A khai vợ chồng có 01 ô tô và rất nhiều hàng hóa trong công ty có tổng giá trị tài sản ước tính khoảng 17 tỷ đồng.

Về bất động sản: Có 01 ngôi nhà gạch 1 tầng, diện tích 30,5m, tại số 72 ngõ 138 Phố Chợ Khâm T , phường Trung P , quận Đ , H , do vợ chồng góp tiền mua chung không phải vay mượn tiền của ai và cũng nhất trí để anh C đứng tên giao dịch mua bán. Đến tháng 01/2015, vợ chồng chị làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đứng tên hai vợ chồng. Chị có nguyện vọng được sở hữu toàn bộ căn nhà nói trên để tiếp tục sống cùng các con.

Về nợ: Vợ chồng không vay nợ ai, riêng khách hàng nợ anh chị thì anh C đòi được phải chia cho chị ½. Nhưng Chị T A không có bất kỳ tài liệu chứng cứ gì nộp kèm theo để chứng minh cho các yêu cầu trên của chị.

Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 63/2020/ HNGĐ – ST, ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Đ đã quyết định như sau:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Luật số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014.

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; 147; khoản 2 Điều 227; các Điều 271; 273; 278; 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Tô Quang C đối với chị Bằng Thùy A . Cho anh Tô Quang C được ly hôn chị Bằng Thùy A

2. Về nuôi con chung: Xác nhận anh Tô Quang C , chị Bằng Thùy A có 02 con chung là Tô Kim A (nữ), sinh ngày 19/10/2009 và Tô Thanh V (nữ) sinh ngày 06/02/2012. Giao cháu Tô Thanh V cho Anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Tô Kim A cho Chị Bằng Thùy A trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, hai bên có quyền đi lại, chăm sóc, trông nom và không ai được quyền ngăn cản.

3. Về chia tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Anh Tô Quang C xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét. Giành cho Chị T A quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác nếu sau này chị có căn cứ chứng minh vợ chồng có tài sản chung và có yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ: Anh C không yêu cầu tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm chị Bằng Thùy A kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm :

Chị T A giữ yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn ly hôn của anh C . Anh C không kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của Chị T A trong thời hạn Luật định. Tại phiên tòa anh C đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, Chị T A giữ yêu cầu kháng cáo về toàn bộ bản án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 56,81 luật Hôn nhân gia đình; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Chị T A , căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C , giao hai con chung cho mỗi người nuôi một cháu, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Đơn kháng cáo của chị Bằng Thùy A trong thời hạn Luật định nên được coi là hợp lệ.

Về tình cảm: Anh Tô Quang C và chị Bằng Thùy A kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Ngày 3/9/2008 anh, chị đăng kí kết hôn tại UBND phường Trung P , quận Đ , H , hôn nhân của anh chị hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng sống tại H .

Theo quy định tại điều 19 Luật Hôn nhân gia đình “ *vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau chia sẻ ...vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau* ”. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, mất lòng tin về sự chung thủy đối với nhau, cả hai đều có lời nói không tôn trọng, xúc phạm qua các tin nhắn cho nhau, trong đó đã đề cập vấn đề ly hôn, tình cảm ngày một lạnh nhạt. Mâu thuẫn càng thẳng thắn vào tháng 7/2017 đến nay, vợ chồng tuy sống cùng một nhà nhưng đã ly thân không còn quan tâm đến tình cảm, các tin nhắn của anh chị đã chứng minh cho điều này. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Chị T A đến Tòa để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng nhưng Chị T A không chấp hành thể hiện chị không tôn trọng pháp luật và không mong muốn đoàn tụ hàn gắn tình cảm. Qua xác minh tại địa phương tổ dân phố đã đến gặp Chị T A theo đơn đề nghị hòa giải của anh C nhưng Chị T A không trả lời và không có ý kiến gì, tài liệu do anh C xuất trình là những tin nhắn giữa Chị T A với anh C chứng minh mâu thuẫn vợ chồng. Việc Chị T A không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án chuyển đơn ly hôn về địa phương nơi anh chị chung sống để hòa giải mâu thuẫn cho anh chị là không có căn cứ chấp nhận. Như vậy, trong cuộc sống hôn nhân từ vài năm nay anh chị mất lòng tin đối với nhau, không có sự tôn trọng trong cuộc sống hàng ngày, đã ly thân không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn đã căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C , chị Thúy Anh là có căn cứ phù hợp với điều 19, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh C , Chị T A có 02 con chung là Tô Kim A (nữ), sinh ngày 19/10/2009, cháu Tô Thanh V (nữ) sinh ngày 06/02/2012. Quá trình giải quyết vụ án, anh C có nguyện vọng nuôi cả hai con chung. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh C có ý kiến mỗi người nuôi một con: anh C nuôi dưỡng cháu Tô Thanh V, Chị T A nuôi dưỡng cháu Tô Kim A. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị T A không đồng ý anh C nuôi con và xin nuôi cả hai cháu vì lý do các cháu là gái, cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Chị T A đề nghị Tòa hỏi các cháu và tôn trọng ý kiến của hai cháu. Xét nguyện vọng nuôi con chung của anh C và Chị T A là hoàn toàn chính đáng thể hiện tinh thần trách nhiệm của người làm cha làm mẹ đối với con. Song việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của các cháu, xét đề nghị của anh C giao mỗi người nuôi 01 con là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật bởi cả hai đều có điều kiện, tư cách nuôi con như nhau nên giao mỗi người nuôi một con như án sơ thẩm là hợp tình, hợp lý. Giao cháu Tô Thanh V cho anh Tô Quang C trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Tô Kim A cho chị Bằng Thùy A trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Thúy A xin nuôi cả hai cháu.

Về tài sản chung (động sản + bất động sản): Anh C xin tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét. Chị T A không kháng cáo về tài sản nên Hội đồng xét xử không giải quyết, giữ nguyên phán quyết của cấp sơ thẩm

Về nợ: anh C không yêu cầu tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Anh C phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm

Chị T A phải chịu án phí HNGĐ phúc thẩm

Từ những nhận định trên!

Căn cứ điều 56, 81,82 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 148, khoản 1 điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử : Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Bàng Thùy A .

Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 63/2020/ HNGĐ - ST, ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Đ về việc ly hôn và quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Tô Quang C đối với chị Bàng Thùy A . Cho anh Tô Quang C được ly hôn chị Bàng Thùy A

2.Về nuôi con chung: Xác nhận anh Tô Quang C , chị Bàng Thùy A có 02 con chung là Tô Kim A (nữ), sinh ngày 19/10/2009 và Tô Thanh V (nữ) sinh ngày 06/02/2012. Giao cháu Tô Thanh V cho Anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Tô Kim A cho Chị Bàng Thùy A trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, hai bên có quyền đi lại, chăm sóc, trông nom và không ai được quyền ngăn cản.

3. Về chia tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Anh Tô Quang C xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét. Giành cho Chị T A quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác nếu sau này chị có căn cứ chứng minh vợ chồng có tài sản chung và có yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ: Anh C không yêu cầu tòa án giải quyết, nên không xem xét.

5. Về án phí: Anh C phải chịu 300.000 VNĐ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh C đã nộp 300.000 VNĐ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014184 ngày 05 tháng

5 năm 2020 của chi cục thi hành án dân sự quận Đ . (Anh C đã nộp đủ án phí). Chị T A phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm (đã nộp) 300.000đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014980 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND quận Đ
- VKSND TP H .
- Đường sự. Nơi ĐKKH
- Lưu.

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều T

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA